

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN TÂN PHÚ  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 72/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 15 - 10 - 2019

V/v: “Ly hôn, tranh chấp về  
nuôi con khi ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

***Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Hồng Thạnh.***

***Các Hội thẩm nhân dân:***

**1. Ông Nguyễn Quang Chung.**

**2. Ông Nguyễn Văn Hải.**

***Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Minh*** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Luật*** – Kiểm sát viên.

Ngày 15/10/2019, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Tân Phú, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 286/2019/TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 6 năm 2019 về việc: “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 72/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 9/9/2019 và quyết định hoãn phiên tòa số 45/2019/QĐST – HNGĐ ngày 27/9/2019 giữa các đương sự:

***Nguyên đơn: Chị Trần Thị Hải Y***, sinh năm: 1977.

***Bị đơn: Anh Nguyễn Quốc V***, sinh năm: 1977.

Cùng địa chỉ: Số nhà 184A/8, ấp TT3, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN.

***(Tại phiên tòa có mặt chị Y, vắng mặt anh V)***

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 21/6/2019, lời khai trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa án ý kiến, tranh luận của nguyên đơn chị Trần Thị Hải Y thể hiện:***

Chị và anh Nguyễn Quốc V tự nguyện tìm hiểu yêu thương rồi tiến tới chung sống với nhau vào năm 2000. Hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh, huyện Tân Phú cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/5/2000. Cuộc sống chung vợ chồng hạnh phúc được 10 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh V có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn. Nay chị không còn tình cảm với anh V nên yêu cầu được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V.

Về con chung: Chị và anh V có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/2001; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 02/02/2005 và Nguyễn Trần Anh T1, sinh ngày 26/01/2008. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được trực tiếp nuôi dưỡng cháu Tr và cháu T1. Chị yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật.

Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Chị khai báo chị và anh V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị khai báo chị và anh V không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Trong quá trình giải quyết vụ án chị Y đã cung cấp những tài liệu, chứng cứ sau: CMND của chị Y (bản sao); Sổ hộ khẩu của chị Y, anh V (bản sao); Giấy chứng nhận kết hôn (bản chính); Giấy khai sinh (bản sao).

Tòa án đã thu thập những tài liệu, chứng cứ sau: Biên bản xác minh tại Ủy ban nhân xã Phú Lâm. Bản sao các tài liệu, chứng cứ này Tòa án đã gửi cho nguyên đơn, bị đơn.

Các tài liệu, chứng cứ nêu trên đã được Tòa án ra thông báo cho các bên đương sự biết đồng thời tiến hành mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải và ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho những người vắng mặt theo đúng quy định của pháp luật.

***Ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa sơ thẩm:***

- Về việc tuân theo pháp luật: Trong quá trình thụ lý, giải quyết và tại phiên tòa xét xử sơ thẩm; Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa và các đương sự tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về quan điểm quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận đơn khởi kiện của nguyên đơn.

+ Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Y được ly hôn anh V.

+ Về quan hệ nuôi con và cấp dưỡng nuôi con: Chị Y và anh V có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/2001; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 02/02/2005 và Nguyễn Trần Anh T1, sinh ngày 26/01/2008.

Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết. Đề nghị giao cháu Tr và cháu T1 cho chị Y nuôi dưỡng và anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

+ Về tài sản chung: Chị Y khai báo chị và anh V tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án xem xét. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về nợ chung: Chị Y khai báo chị và anh V không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Khi nào phát sinh tranh chấp sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

+ Về án phí: Chị Y phải chịu 300.000đ án phí DSST về ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh V phải chịu 300.000đ án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Tại phiên tòa, nguyên đơn chị Y không cung cấp thêm tài liệu chứng cứ nào khác.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

#### **[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:**

[1.1]. Xác định thẩm quyền giải quyết và quan hệ pháp luật: Anh Nguyễn Quốc V có địa chỉ tại ấp TT3, xã PL, huyện TP, tỉnh ĐN. Vì vậy, căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự xác định vụ án thuộc thẩm quyền thụ lý, giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phú. Chị Y yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh V, tranh chấp về nuôi con vì vậy cần xác định quan hệ pháp luật là “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn” theo quy định tại khoản 1 điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

[1.2]. Xác định tư cách đương sự: Ngày 21/6/2019, chị Y khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh V. Căn cứ theo khoản 2, khoản 3 Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự xác định chị Y là nguyên đơn, anh V là bị đơn trong vụ án.

- Tại phiên tòa, anh V vắng mặt lần thứ 2 không có lý do chính đáng mặc dù Tòa án đã tiến hành triệu tập hợp lệ theo quy định của pháp luật. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành mở phiên tòa xét xử vụ án vắng mặt anh V.

#### **[2]. Về áp dụng pháp luật nội dung:**

[2.1]. Về quan hệ hôn nhân: Hôn nhân giữa chị Y và anh V được xác lập vào năm 2000, hôn nhân của anh chị được Ủy ban nhân dân xã Phú Thanh cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 12/5/2000. Chị Y có đơn yêu cầu ly hôn thì Tòa án giải quyết theo thủ tục chung về ly hôn mà Luật hôn nhân và gia đình quy định.

Xét lời khai của chị Y và tài liệu, chứng cứ thu thập trong quá trình tiến hành tố tụng thể hiện: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sống hòa thuận, hạnh phúc đến những năm gần đây thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân xuất phát từ việc vợ chồng anh chị không còn sự tin tưởng và thông cảm cho nhau. Vợ chồng không còn tìm được tiếng nói chung, bất đồng quan điểm dẫn đến trong cuộc sống chung thường xuyên mâu thuẫn. Từ đó, tình cảm vợ chồng dần phai nhạt. Qua xác minh tại địa phương thể hiện đời sống chung của vợ chồng anh chị không còn hạnh phúc.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã thực hiện các thủ tục cấp, tổng đạt, niêm yết: Thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập đương sự và các tài liệu, chứng cứ do đương sự giao nộp cũng như Tòa án thu thập được cho các bên đương sự. Tòa án đã thông báo và mở phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải. Tại phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ chị Y không có ý kiến gì và không bổ sung gì thêm. Bị đơn anh V vắng mặt đã được tòa án ra thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ theo đúng quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, chị Y vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn. Do anh V vắng mặt nên không ghi nhận được ý kiến hay yêu cầu nào của anh V.

Nhận thấy hôn nhân giữa chị Y và anh V không có hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Y là có cơ sở, cho chị Y được ly hôn với anh Nguyễn Quốc V để chị Y sớm ổn định cuộc sống gia đình là phù hợp với quy định của pháp luật.

[2.2]. Về quan hệ nuôi dưỡng con và nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Y và anh V có 03 con chung là Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/2001; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 02/02/2005, Nguyễn Trần Anh T1, sinh ngày 26/01/2008.

Chị Y có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu Tr và cháu T1, yêu cầu anh V cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của pháp luật. Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử xét thấy: Khi ly hôn các bên đều có quyền được nuôi con, tuy nhiên trong suốt quá trình giải quyết vụ án anh V không có mặt tại Tòa án nên không ghi nhận được ý kiến của anh V đối với yêu cầu nuôi con và cháu Tr, cháu T1 đều có nguyện vọng muốn sống cùng chị Y. Vì vậy, cần giữ nguyên nếp sống sinh hoạt hiện nay của các cháu nhằm đảm bảo ổn định tâm lý cho các cháu cả về thể chất và tinh thần và phù hợp với nguyện vọng của con chung nên chấp nhận giao cả hai con chung cho chị Y trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Đối với cháu T đã thành niên và có khả năng lao động nên chị không yêu cầu Tòa án giải quyết. Vì vậy, không xem xét, giải quyết.

Theo quy định tại khoản 2 Điều 82 và Điều 110 luật hôn nhân và gia đình thì "*Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con*". Do đó, để đảm bảo quyền lợi cho con chung chưa thành niên thì việc chị Y yêu cầu anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là hoàn T có cơ sở và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Theo quy định tại Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình thì: "*Mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết*".

Do anh V không hợp tác đến Tòa án làm việc nên chị Y và anh V không thỏa thuận được mức cấp dưỡng. Vì vậy, Tòa án sẽ căn cứ quy định của pháp luật để giải quyết. Qua các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ thể hiện anh V có đủ điều kiện để thực hiện việc cấp dưỡng.

Mức cấp dưỡng nuôi con chung được xem xét dựa trên những chi phí đảm bảo cho các cháu phát triển về các mặt thể chất như sức khỏe, học tập, ăn uống, sinh hoạt, vui chơi..... theo tình hình học tập, ăn ở của các cháu tại địa phương. Do đó, Hội đồng xét xử buộc anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho mỗi con chung là 1.000.000 đồng/01 cháu, tổng cộng là 2.000.000 đồng cho hai con chung là phù hợp và có căn cứ. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11/2019 cho đến khi các con chung thành niên và có khả năng lao động.

[2.3]. Về tài sản chung: Chị Y khai báo vợ chồng tự thỏa thuận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do không có lời khai của anh V nên khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

[2.4]. Về nợ chung: Chị Y khai báo không có. Do không có lời khai của anh V nên khi nào có tranh chấp sẽ được giải quyết bằng một vụ án khác.

**[3]. Về án phí:** Chị Y phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn.

Anh Nguyễn Quốc V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

**[4]. Về quyền kháng cáo:** Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét quan điểm đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

*Vì các lý trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào:

- Các Điều 28, 35, 39, 147, khoản 1 Điều 228, Điều 235 Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 19, 51, khoản 1 Điều 56, các Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;
- Điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

**Tuyên xử:**

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị Hải Y.
  - Về quan hệ hôn nhân: Chị Trần Thị Hải Y được ly hôn anh Nguyễn Quốc V.

- Về con chung: Chị Y và anh V có 03 (ba) con chung là: Nguyễn Văn T, sinh ngày 24/02/2001; Nguyễn Văn Tr, sinh ngày 02/02/2005, Nguyễn Trần Anh T1, sinh ngày 26/01/2008.

Đối với cháu Nguyễn Văn T đã thành niên và có khả năng lao động nên không xem xét, giải quyết.

Giao các con chung Nguyễn Văn Tr và Nguyễn Trần Anh T1 cho chị Y trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh V có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 (hai) con chung số tiền 2.000.000đ (hai triệu đồng)/tháng (mỗi con chung 1.000.000đ/tháng) cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Thời điểm cấp dưỡng tính từ tháng 11/2019. Anh V được quyền thăm nom, chăm sóc con chung mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con chung sau khi ly hôn.

*Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án (đối với khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.*

- Về tài sản chung, nợ chung: Tách ra giải quyết bằng một vụ án khác khi có phát sinh tranh chấp.

**2.** Về án phí: Chị Y phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về ly hôn. Số tiền 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) chị Y đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số 008013 ngày 26/6/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai chuyển thành án phí.

Anh Nguyễn Quốc V phải nộp 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí DSST về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

**3.** Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

**4.** Về quyền kháng cáo: Chị Trần Thị Hải Y được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Anh Nguyễn Quốc V có quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày được tính kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện Tân Phú;
- Chi cục THA huyện Tân Phú;
- Các đương sự (để thi hành);
- UBND xã Phú Thanh, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai (để ghi vào sổ hộ tịch theo số 16/2000, quyền số 01/2000 ngày 12/5/2000);
- Lưu HS – LT.

**THAY MẶT HỘI ĐỒNG XÉT XỬ  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Phan Hồng Thạnh**